TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 09/8/2017
V/v tranh chấp: Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Bình**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đào Chiến**;

2. Bà **Nguyễn Thị Ngọc Ngân**;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thụy Hải Yến**

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên toà:*

Ông **Võ Minh Mẫn** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 8 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 328/2017/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 05 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46 /2017/QĐXX-ST ngày 10 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Kim D**, sinh năm: 1970;

Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Sơn L**, sinh năm: 1966;

Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Chị D và anh L vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/5/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim D trình bày:

Chị và anh Nguyễn Sơn L tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ

năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến thời gian gần đây giữa anh chị nảy sinh nhiều mâu thuẫn, không còn cùng chung quan điểm, liên tục xảy ra bất hòa. Xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, kéo dài hôn nhân cũng không có hạnh phúc nên nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1995 và Nguyễn Nhật T, sinh năm 1996; hiện 02 con chung đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Chị D xác định không có.

Đối với bị đơn là anh Nguyễn Sơn L, trong quá trình làm việc tại tòa án, tại bản tự khai ngày 14/6/2017 anh thống nhất thời gian chung sống như chị D trình bày. Anh cũng thống nhất rằng thời gian đầu anh và chị D chung sống hạnh phúc, đến năm 2015 thì nảy sinh nhiều mâu thuẫn do thường xuyên bất đồng ý kiến. Anh L nhận thấy hôn nhân giữa anh chị rất khó có thể hàn gắn nên nay chị D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh, anh đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1995 và Nguyễn Nhật T, sinh năm 1996; hiện 02 con chung đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Anh L xác định không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:

- *Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự.

- *Về nội dung*: Yêu cầu HĐXX không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Kim D và anh Nguyễn Sơn L. Về con chung chị D và anh L xác định đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được, không yêu cầu tòa án giải

quyết nên không đặt ra giải quyết. Tài sản chung không yêu cầu tòa án giải quyết, nợ chung xác định không có nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về thủ tục tố tụng**: Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt tại phiên toà, tuy nhiên có đơn xin xét xử vắng mặt. Toà án đã thực hiện đầy đủ thủ tục theo đúng quy định của pháp luật và căn cứ Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt chị D và anh L.

*** Về nội dung vụ án**:

Xét thấy chị Nguyễn Thị Kim D và anh Nguyễn Sơn L chung sống vào năm 1994, không có đăng ký kết hôn. Chị D cho rằng hôn nhân giữa chị và anh L có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, không còn cùng chung quan điểm, liên tục xảy ra bất hòa. Anh Nguyễn Sơn L là chồng của chị D cũng xác định vợ chồng thường bất đồng ý kiến, hôn nhân giữa anh chị khó có thể hàn gắn. Cho thấy, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị D làm đơn yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp Khoản 1 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Việc chị D và anh L chung sống nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, quan hệ vợ chồng giữa chị D và anh L không có giá trị pháp lý nên cần áp dụng Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng.

Về quan hệ con chung: Chị D và anh L xác định 02 con chung hiện đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung: Chị D và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về nợ chung: Chị D và anh L xác định không có nên không đặt ra xem xét.

Chị Nguyễn Thị Kim D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Anh Nguyễn Sơn L không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Khoản 1 Điều 53; Điều 9, 14, 15, 16, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim D đối với anh Nguyễn Sơn L.

Tuyên xử: Không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị Kim D và anh Nguyễn Sơn L là vợ chồng.

2. Về con chung và tài sản chung, nợ chung:

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim D và anh Nguyễn Sơn L xác định các con chung hiện đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung: Ghi nhận chị Nguyễn Thị Kim D và anh Nguyễn Sơn L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim D và anh Nguyễn Sơn L xác định không có.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0017819 ngày 12/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, chị D đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- VKSND h Châu Thành;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Nguyễn Văn Bình